

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÒA BÌNH**

Số: **1795** /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hòa Bình, ngày **22** tháng 8 năm 2019

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp  
và Phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 617/TTr-SNN ngày 14 tháng 8 năm 2019,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (27 thủ tục) thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cơ quan có liên quan căn cứ quy trình tại Quyết định này, xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm của Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trưởng Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, Phó CVP Bùi Quang Toàn;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm TH&CB tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Ng.05)

**CHỦ TỊCH**



**Bùi Văn Khánh**

**Phụ lục 01**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH HÒA BÌNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1795~~ /QĐ-UBND ngày 22 /8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)*



Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Trình tự thực hiện theo cơ chế một cửa (ngày)				Quyết định công bố danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh
			Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh/ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện/xã (B1: Tiếp nhận hồ sơ)	Cán bộ, công chức/Phòng chuyên môn Chi cục/UBND cấp huyện, xã (B2: Thời gian giải quyết hồ sơ)	Lãnh đạo Sở/Chi cục/UBND cấp huyện, xã (B3: Ký duyệt hồ sơ)	Văn thư (Chi cục/Sở/UBND cấp huyện, xã) (B4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm PVHCC tỉnh/Bộ phận Một cửa cấp huyện/xã)	
<b>A</b>	<b>CẤP TỈNH</b>						
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Thủy sản</b>						
1	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)	- Cấp mới: 10 ngày	0,5	08 (Phòng nuôi trồng khai thác và phát triển nguồn lợi)	01(Lãnh đạo Chi cục)	0,5 (Văn thư Chi cục)	Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 02/8/2019
		- Cấp lại: 03 ngày	0,5	1,5(Phòng nuôi trồng khai thác và phát triển nguồn lợi)	0,5 (Lãnh đạo Chi cục)	0,5(Văn thư Chi cục)	
2	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	- Cấp mới: 10 ngày	0,5	08 (Phòng nuôi trồng khai thác và phát triển nguồn lợi)	01 (Lãnh đạo Chi cục)	0,5 (Văn thư Chi cục)	Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 02/8/2019
		- Cấp lại: 03 ngày	0,5	1,5 (Phòng nuôi trồng khai thác và phát triển nguồn lợi)	0,5 (Lãnh đạo Chi cục)	0,5 (Văn thư Chi cục)	
3	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng	10 ngày	0,5	08 (Phòng nuôi trồng khai thác và	01 (Lãnh đạo Chi	0,5 (Văn thư Chi cục)	Quyết định số 1645/QĐ-

	thủy sản (theo yêu cầu)			phát triển nguồn lợi)	cục)		UBND ngày 02/8/2019
4	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	07 ngày	0,5	05 (Phòng nuôi trồng khai thác và phát triển nguồn lợi)	01 (Lãnh đạo Chi cục)	0,5 (Văn thư Chi cục)	Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 02/8/2019
5	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	- 03 ngày làm việc (xác nhận nguồn gốc)	0,5	1,5 (Phòng nuôi trồng khai thác và phát triển nguồn lợi)	0,5 (Lãnh đạo Chi cục)	0,5 (Văn thư Chi cục)	Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 02/8/2019
		- 07 ngày làm việc (xác nhận mẫu vật)	0,5	05 (Phòng nuôi trồng khai thác và phát triển nguồn lợi)	01 (Lãnh đạo Chi cục)	0,5 (Văn thư Chi cục)	
6	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	05 ngày	0,5	03 (Phòng nuôi trồng khai thác và phát triển nguồn lợi)	01 (Lãnh đạo Chi cục)	0,5 (Văn thư Chi cục)	Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 02/8/2019
<b>II Lĩnh vực Thú y</b>							
1	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	- Cấp mới: 05 ngày	0,5	03 (Phòng Thú y)	01 (Lãnh đạo Chi cục)	0,5 (Văn thư Chi cục)	Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 02/8/2019
		- Gia hạn: 03 ngày	0,5	01 (Phòng Thú y)	01 (Lãnh đạo Chi cục)	0,5 (Văn thư Chi cục)	
2	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân	03 ngày	0,5	01 (Phòng Thú y)	01 (Lãnh đạo Chi cục)	0,5 (Văn thư Chi cục)	Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 02/8/2019

	đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)						
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	08 ngày	0,5	06(Phòng Thú y)	01(Lãnh đạo Chi cục)	0,5(Văn thư Chi cục)	Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 02/8/2019
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	05 ngày	0,5	03(Phòng Thú y)	01(Lãnh đạo Chi cục)	0,5(Văn thư Chi cục)	Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 02/8/2019
5	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	15 ngày	0,5	13(Phòng Thú y)	01(Lãnh đạo Chi cục)	0,5(Văn thư Chi cục)	Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 02/8/2019
6	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	20 ngày	0,5	03(Phòng Thú y)	01(Lãnh đạo Chi cục)	0,5(Văn thư Chi cục)	Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 02/8/2019
7	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)	20 ngày	0,5	18(Phòng Thú y)	01(Lãnh đạo Chi cục)	0,5(Văn thư Chi cục)	Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 02/8/2019
8	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	15 ngày	0,5	13(Phòng Thú y)	01(Lãnh đạo Chi cục)	0,5(Văn thư Chi cục)	Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 02/8/2019

9	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	- 07 ngày (đã được đánh giá định kỳ có thời gian đánh giá chưa quá 12 tháng)	0,5	05 (Phòng Thú y)	01(Lãnh đạo Chi cục)	0,5(Văn thư Chi cục)	Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 02/8/2019
		- 17 ngày (chưa được đánh giá định kỳ hoặc được đánh giá định kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng)	0,5	15(Phòng Thú y)	01(Lãnh đạo Chi cục)	0,5(Văn thư Chi cục)	
10	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	- 07 ngày (đã được đánh giá định kỳ có thời gian đánh giá không quá 12 tháng)	0,5	5(Phòng Thú y)	01(Lãnh đạo Chi cục)	0,5(Văn thư Chi cục)	Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 02/8/2019
		- 17 ngày (trường hợp còn lại)	0,5	15(Phòng Thú y)	01(Lãnh đạo Chi cục)	0,5(Văn thư Chi cục)	
11	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản)	02 ngày	0,5	0,5(Phòng Thú y)	0,5(Lãnh đạo Chi cục)	0,5(Văn thư Chi cục)	Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 02/8/2019
12	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	20 ngày	0,5	18 (Phòng Thú y)	01(Lãnh đạo Chi cục)	0,5(Văn thư Chi cục)	Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 02/8/2019

13	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	20 ngày	0,5	18 (Phòng Thú y)	01 (Lãnh đạo Chi cục)	0,5 (Văn thư Chi cục)	Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 02/8/2019
14	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận	13 ngày	0,5	11 (Phòng Thú y)	01 (Lãnh đạo Chi cục)	0,5 (Văn thư Chi cục)	Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 02/8/2019
15	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	01 ngày (Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh,...)	Chủ hàng đăng ký kiểm dịch với Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh thống nhất về thời gian, địa điểm kiểm dịch (không qua Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh)	Chi cục Chăn nuôi và Thú y giao Trạm kiểm dịch Chăn đoán, Xét nghiệm và điều trị bệnh động vật thực hiện			Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 02/8/2019
		04 ngày (Đối với động vật, sản phẩm động vật)	Chủ hàng đăng ký kiểm dịch với Chi	Chi cục Chăn nuôi và Thú y giao Trạm kiểm dịch Chăn			



		<i>xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chăn nuôi chưa được giám sát dịch bệnh động vật,...)</i>	cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh thống nhất về thời gian, địa điểm kiểm dịch (không qua Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh)	đoán, Xét nghiệm và điều trị bệnh động vật thực hiện			
16	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	<p>- Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản: + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch</p> <p>+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận</p>	<p>Chủ hàng đăng ký kiểm dịch với Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh thống nhất về thời gian, địa điểm kiểm dịch (không qua Trung tâm PVHCC tỉnh)</p> <p>Chủ hàng gửi hồ sơ đăng ký kiểm dịch đến Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh thống nhất về thời gian, địa điểm kiểm dịch (không qua Trung tâm</p>	<p>Chi cục Chăn nuôi và Thú y giao Trạm kiểm dịch Chăn đoán và Xét nghiệm và điều trị bệnh động vật thực hiện</p> <p>Chi cục Chăn nuôi và Thú y giao Trạm kiểm dịch Chăn đoán, Xét nghiệm và điều trị bệnh động vật thực hiện</p>			Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 02/8/2019



		kiểm dịch thì thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch	phục vụ hành chính công (tỉnh)				
	<b>Lĩnh vực Trồng trọt</b>						
1	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	45 ngày	0,5	39 (Chi cục Trồng trọt và BVTV)	05 (Lãnh đạo Sở)	0,5 (Văn thư Sở)	QĐ số 1645/QĐ-UBND ngày 02/8/2019
2	Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	30 ngày	0,5	24 (Chi cục Trồng trọt và BVTV)	05 (Lãnh đạo Sở)	0,5 (Văn thư Sở)	QĐ số 1645/QĐ-UBND ngày 02/8/2019
	<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp</b>						
1	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES	Các loài thực vật rừng, động vật rừng Nhóm II; các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục II, III CITES: 05 ngày.	0,5	03 (Phòng Bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên)	01 (Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm)	0,5 (Văn thư Chi cục)	QĐ số 1645/QĐ-UBND ngày 02/8/2019

	Kiểm tra thực tế: không quá 30 ngày (nếu cần)	0,5	17 (Phòng Bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên)	02 (Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm)	0,5 (Văn thư Chi cục)
	Các loài thủy sản thuộc Phụ lục II CITES: 05 ngày.	0,5	03 (Phòng nuôi trồng khai thác và phát triển nguồn lợi)	01 (Lãnh đạo Chi cục Thủy sản)	0,5 (Văn thư Chi cục)
	Kiểm tra thực tế: không quá 30 ngày (nếu cần)	0,5	27 (Phòng nuôi trồng khai thác và phát triển nguồn lợi)	02 (Lãnh đạo Chi cục Thủy sản)	0,5 (Văn thư Chi cục)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**